

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

Chủ biên
NGUYỄN VĂN ĐẠI

GIÁO TRÌNH
HỌC THUYẾT TAM QUYỀN PHÂN LẬP

Vinh - 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

Chủ biên
NGUYỄN VĂN ĐẠI

GIÁO TRÌNH
HỌC THUYẾT TAM QUYỀN PHÂN LẬP
(Giáo trình đào tạo từ xa)

Vinh - 2011

Phân công biên soạn:

- Chủ biên: Nguyễn Văn Đại

Nguyễn Văn Đại : Chương I đến Chương II

Tailieu.vn

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ HỌC THUYẾT “TAM QUYỀN PHÂN LẬP” VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ NƯỚC TƯ SẢN

1.1. Hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa phương pháp luận của học thuyết “tam quyền phân lập”

1.1.1 Giới thiệu khái quát về nhà tư tưởng chính trị vĩ đại Montesquieu

Charles de Secondat Montesquieu (1689 – 1755) – nhà triết học Khai sáng, nhà tư tưởng chính trị, nhà kinh tế học, nhà xã hội học và nhà sử học người Pháp. Ông là nhà tư tưởng có dòng dõi quý tộc, sinh ngày 18 tháng 1 năm 1689 tại lâu đài La Brét ở Tây – Nam nước Pháp. Cha ông là Giắc đơ Socôngđơ – một quý tộc bị sa sút và đã có thời gian làm đại úy vệ kỳ binh, sau đó lui về ở ẩn cho đến năm 1713 thì qua đời. Khi Montesquieu lên 7 tuổi thì mẹ ông mất. Montesquieu chịu ảnh hưởng nhiều của người chú ruột – Giăng đơ Socôngđơ, người đã từng là Chủ tịch Nghị viện Boóc đơ.

Năm 1714, Montesquieu vào làm việc tại Viện Boócđơ và hai năm sau, ông trở thành nam tước De Montesquieu – Chủ tịch Nghị viện Boócđơ. Năm 1716, Montesquieu trở thành thành viên Viện Hàn lâm Khoa học Boócđơ.

Khí chất của chàng thanh niên Montesquieu ham tìm tòi, suy nghĩ với lòng khát khao hiểu biết trên nhiều lĩnh vực đồng thời lại trực tiếp tiếp xúc với thực tiễn chính trị – xã hội của thời đại ở một giai đoạn được coi là có sự bùng nổ của các cuộc đấu tranh quyết liệt chống phong kiến đã sớm nung nấu tinh thần của nhà triết học Khai sáng tương lai. Tư tưởng và tài năng của ông thực sự hòa làm một, kết tinh thành năng lực tư duy sáng tạo, khí phách kiên cường của nhà triết học Khai sáng. Vào năm 1721, Montesquieu đã cho ra đời tác phẩm đầu tay, tác phẩm được thừa nhận là đã gây chấn động dư luận không riêng gì ở Pháp, mà cả ở châu Âu – đó là tiểu thuyết bằng thư “Những bức thư Ba Tư”.

Năm 1726, Montesquieu thôi chức vụ Chánh án Tòa án Boócđô mà trước đây, ông đã làm thế chân người chú của mình. Một năm sau, ông được bầu vào Viện Hàn lâm Khoa học Pháp. Đến năm 1728, ông lên đường đi du lịch khắp nơi để hiểu phong tục, tập quán, luật pháp và thể chế của các nước châu Âu. Ông lưu lại hai năm cuối ở Anh. Dưới chế độ quân chủ lập hiến, ông cảm thấy rất hài lòng và cho đó là một thể chế lý tưởng, trái ngược với nước Pháp quân chủ chuyên chế. “Tại Nghị viện Anh, người ta cho phép ông có mặt trong các cuộc tranh luận giữa Chính phủ và phe đối lập kéo dài tới 12 giờ. Các tư tưởng của ông về lý luận phân quyền đã bắt đầu chín muồi ở Anh”. Đây là thời gian đã làm cho Montesquieu thấy thực sự quý báu và những cảm nhận của ông về những gì đã diễn ra ở đây đã trở thành tiền đề cho sự hình thành tư tưởng của ông sau này.

Tháng 10 năm 1748, Montesquieu cho ra đời tác phẩm “Bàn về tinh thần pháp luật”. Ở tác phẩm “Bàn về tinh thần pháp luật”, Montesquieu không nghiên cứu luật pháp như một nhà luật học thuần túy, mà nghiên cứu cái hồn, cái tinh thần của pháp luật. Ông muốn khám phá cái trật tự cái quy luật trong mớ hỗn độn các luật pháp ở tất cả các dân tộc và ở mọi thời đại. Đây là tác phẩm mang tính triết học sâu sắc, trong đó luật pháp được giải thích từ nhiều khía cạnh khác nhau.

Montesquieu chia thể chế Nhà nước ra ba loại: độc tài, quân chủ lập hiến và cộng hòa. Phê phán thể chế độc tài và ca ngợi thể chế cộng hòa là tốt đẹp nhưng không thực hiện được trong thực tế, ông chủ trương rằng thể chế chính trị hợp lý nhất của nước Pháp và nhiều nước là quân chủ lập hiến giống như nước Anh.

Trong học thuyết của mình, Montesquieu nêu ra nguyên tắc phân quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong đó, nghị viện giữ quyền lập pháp, nhà vua giữ quyền hành pháp và các quan tòa giữ quyền tư pháp. Các ngành này

độc lập với nhau nhưng kiểm soát lẫn nhau, giai cấp tư sản nắm giữ cơ chế này trong xã hội. Nguyên tắc phân quyền này của ông đã được thực hiện sau cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789-1794 và là định hướng cho nhiều nhà tư sản trên thế giới sau này.

Học thuyết của Montesquieu không chủ trương lật đổ chế độ phong kiến bằng cách mạng mà chỉ là những cải cách cho phù hợp với đòi hỏi và quyền lợi của giai cấp tư sản. Như vậy, ông không phải là người theo thuyết dân chủ mà theo thuyết tự do. Nhưng trong bối cảnh chế độ phong kiến tàn bạo lúc đó, tư tưởng của Montesquieu thể hiện tính chất tiến bộ và có giá trị tinh thần to lớn đối với các tầng lớp nhân dân.

Những năm cuối đời, Montesquieu sống trong lâu đài của mình và tại đây, ông đã viết thêm một số tác phẩm khác, như *Lyđimác* (1751), *Acxat* và *Ixmêni* (1754). Khi đó, ông đã trở nên nổi tiếng và được kính trọng.

Trong thời gian đó, ông đã phải chịu đựng sự hành hạ thân xác một cách khủng khiếp do bệnh tật ngày một nặng thêm, nhưng ông vẫn sống và hoạt động với một nghị lực hiếm có. Ông đã qua đời tại Paris ngày 10 tháng 2 năm 1755 và để lại nhiều nguyên cáo, trong đó có tập “*Những tư tưởng của tôi*”.

Với tất cả những cống hiến lý luận của mình, Montesquieu xứng đáng được tôn vinh là một trong những nhà tư tưởng lớn trong lịch sử tư tưởng nhân loại thế kỷ XVIII, là nhà triết học Khai sáng Pháp nổi tiếng với tư tưởng đề cao “tam quyền phân lập” luôn thể hiện ý chí và khát vọng xây dựng một xã hội mới mà ở đó, không còn áp bức, bất công, một xã hội có khả năng đem lại tự do cho mọi người, hoà bình cho nhân loại. Hơn hai thế kỷ qua, nhân loại luôn nhắc đến ông với tư cách đó và học thuyết “tam quyền phân lập” của ông luôn được các nhà tư tưởng, các chính khách và giới nghiên cứu lý luận trên toàn thế giới sử dụng như một tài liệu tham khảo bổ ích, có giá trị gợi mở cho việc xây dựng và hoàn thiện lý luận về xây dựng Nhà nước.

1.1.2. Hoàn cảnh ra đời của học thuyết “tam quyền phân lập”

Bắt đầu từ thế kỷ XV, ở Tây Âu, chế độ phong kiến với nền sản xuất nhỏ và các đạo luật hà khắc trung cổ bước vào thời kỳ tan rã. Xuất hiện nhiều công trường thủ công, ban đầu ở các nước ven Địa Trung Hải, nhất là ở Italia, sau đó lan sang Anh, Pháp và các nước khác. Thay thế cho nền kinh tế tự nhiên kém phát triển là nền sản xuất công trường thủ công đem lại năng suất lao động cao hơn. Nhiều công cụ lao động được cải tiến và hoàn thiện nhằm thúc đẩy sản xuất. Với việc sáng tạo ra máy tự kéo sợi và máy in làm cho công nghiệp dệt, công nghệ ấn loát đặc biệt phát triển, nhất là ở Anh. Sự khám phá và chế tạo hàng loạt đồng hồ cơ học đã giúp cho con người thời kỳ này sản xuất có kế hoạch, tiết kiệm thời gian và tăng năng suất lao động.

Những phát kiến địa lý như việc tìm ra Châu Mỹ và các đường biển đến những miền đất mới... càng tạo điều kiện phát triển nền sản xuất theo hướng tư bản chủ nghĩa. Nhờ đó, thị trường trao đổi hàng hóa giữa các nước được mở rộng. Các cuộc giao du Đông - Tây được tăng cường. Các nước tư bản chủ nghĩa sớm phát triển như Anh, Pháp, Tây Ban Nha... thi nhau xâm chiếm thuộc địa, khai thác tài nguyên thiên nhiên của các nước kém phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa của mình. “Giờ đây, lần đầu tiên người ta đã thực sự phát hiện ra trái đất và đặt nền móng cho nền thương nghiệp thế giới sau này và đại công nghiệp hiện đại”. Đồng thời với sự phát triển của sản xuất và thương nghiệp, trong xã hội Tây Âu, thời kỳ này, sự phân hóa giai cấp ngày càng rõ rệt. Tầng lớp tư sản xuất hiện gồm các chủ xưởng công trường, xưởng thợ, chủ thuyền buôn... vai trò và vị trí của họ trong kinh tế và xã hội ngày càng lớn. Hàng loạt nông dân từ nông thôn di cư đến các thành phố, trở thành người làm thuê cho các công trường, xưởng thợ. Họ là tiền thân của giai cấp công nhân sau này. Các tầng lớp xã hội trên đại diện cho một nền sản xuất mới, cùng với nông dân đấu tranh chống chế độ phong kiến đang suy tàn.

Những mầm mống của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện trước tiên ở Italia, nước được coi là quốc gia tư bản sớm nhất ở Tây Âu. Với nền văn hóa phục hưng phát triển rực rỡ trong suốt thế kỷ XIV-XV, Italia trở thành trung tâm của vũ đài lịch sử thế giới, tiêu biểu cho nền văn minh nhân loại thời kỳ này. Tiếp sau đó, các cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789-1794) với việc xử tử vua Lu-i XVI là một trong những đòn quyết định tiêu diệt chế độ phong kiến ở Châu Âu.

Vào thế kỷ XVI-XVII thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế của các nước Tây Âu. Sự lớn mạnh của công nghiệp và thương mại cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật đã dẫn tới sự tiếp tục tan rã của chế độ phong kiến. Song, quyền sở hữu ruộng đất của phong kiến, chế độ nông nô, chế độ đẳng cấp và sự bất bình đẳng về pháp luật đặc trưng cho xã hội phong kiến đã ngăn cản sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên sự cạnh tranh tự do và bóc lột lao động làm thuê. Nền quân chủ chuyên chế với những thể chế bảo thủ can thiệp quan liêu vào toàn bộ đời sống xã hội kìm hãm sự phát triển của các xí nghiệp thương mại và công nghiệp. Giai cấp tư sản đang trưởng thành và lớn mạnh ở các nước phát triển nhất không thể khoan nhượng với chế độ chuyên chế phong kiến. Giai cấp tư sản đòi xóa bỏ đẳng cấp và thiết lập sự bình đẳng pháp luật, bảo đảm tự do và an ninh cá nhân và quyền sở hữu tư nhân bằng cách tạo ra những sự đảm bảo cần thiết về mặt chính trị và pháp lý.

Trong cuộc đấu tranh chống nền quân chủ chuyên chế, giới quý tộc và nhà thờ, các nhà tư tưởng tư sản muốn vượt bỏ vòng hào quang thiêng liêng bao trùm lên chế độ phong kiến, tách các vấn đề Nhà nước và pháp quyền ra khỏi tôn giáo. Khuynh hướng này được thể hiện rõ nét trong học thuyết về pháp quyền tự nhiên, về chủ nghĩa tự do. Nội dung của các học thuyết này được truyền bá rộng rãi ở Tây Âu đã tạo ra những quan niệm xây dựng nền tảng của thể chế chính trị dân chủ tư sản. Nó cũng là nền móng của những hệ thống chính trị ở các nước tư bản phát triển và các nền dân chủ tư bản hiện đại sau này.

Tóm lại, hoàn cảnh lịch sử Tây Âu thế kỷ XV-XVIII và nền tảng tư tưởng trên đây quy định nội dung của những tư tưởng chính trị thời kỳ này, làm cho nó không chỉ đơn thuần không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu và khôi phục các giá trị tư tưởng truyền thống, mà còn phát triển với nhiều sắc thái riêng của một thời kỳ lịch sử. Ở thời kỳ này, có rất nhiều nhà tư tưởng chính trị tiêu biểu và nổi tiếng, những tư tưởng của họ về mặt chính trị để lại cho nhân loại nhiều giá trị trong đó có thuyết “tam quyền phân lập” của Montesquieu.

1.1.3. Ý nghĩa phương pháp luận của học thuyết “tam quyền phân lập”

a). Đóng góp của học thuyết “tam quyền phân lập”

Học thuyết này đã được các nhà tư tưởng tư sản thế kỷ XVII-XVIII mà điển hình là John Locke và Montesquieu kế thừa, phát triển và hoàn thiện nó, coi đó là cơ sở để bảo đảm quyền lực của nhân dân và chống chế độ độc tài chuyên chế. Montesquieu đã phát triển một cách toàn diện học thuyết phân quyền và sau này khi nhắc tới học thuyết “tam quyền phân lập” là nhắc tới tên tuổi của ông. Nó đã được thể hiện và áp dụng trong việc tổ chức bộ máy Nhà nước của nhiều nước trên thế giới ở các mức độ khác nhau, được ghi nhận một cách trang trọng trong các bản Tuyên ngôn và Hiến pháp của một số nước. Thậm chí, có nước đã coi phân quyền là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức bộ máy Nhà nước của mình, là tiêu chuẩn và điều kiện của nền dân chủ. Đó chính là sự thừa nhận và khẳng định giá trị của học thuyết “tam quyền phân lập” trong thực tế.

Qua hai thế kỷ, loài người ngày càng hiểu biết hơn về giá trị của nguyên tắc phân quyền của Montesquieu, đã góp phần đẩy nhanh việc kết thúc chủ nghĩa cực quyền, ông được mệnh danh như là một người đặt nền móng cho việc thiết lập một chính phủ hiện đại. Hiện nay, dân chủ và tự do đã trở thành một giá trị rõ ràng, chế độ độc tài dần dần được đẩy lùi, phân tích của Montesquieu về việc phân quyền như là một trong những biện pháp quan trọng để chống sự độc tài chuyên chế của nhiều Nhà nước trên thế giới hiện nay.

Thuyết “tam quyền phân lập” của Montesquieu có ảnh hưởng sâu sắc đến những quan niệm sau này về tổ chức Nhà nước cũng như thực tiễn tổ chức Nhà nước của các Nhà nước tư bản. Học thuyết này là một nguồn quan trọng của chủ nghĩa lập hiến. Đa số Hiến pháp của các nước tư bản hiện nay đều tuyên bố phân quyền là một nguyên tắc cơ bản của việc tổ chức quyền lực Nhà nước.

Học thuyết “tam quyền phân lập” chiếm một vị trí đáng kể trong lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật thế giới. Ngày nay, nguyên tắc tổ chức quyền lực Nhà nước theo kiểu “tam quyền phân lập” đã trở thành nguyên tắc đặc thù và khá phổ biến ở các Nhà nước pháp quyền tư sản. Các học giả và giới chính trị tư sản coi nguyên tắc phân quyền là hòn đá tảng của nền dân chủ tư sản mà họ đang cố nhào nặn nhằm duy trì quyền lợi của giai cấp mình.

Ý nghĩa cơ bản của việc vận dụng nguyên tắc phân quyền vào tổ chức và xây dựng bộ máy Nhà nước được họ giải thích là nhằm tạo ra một cơ chế có kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động lẫn nhau giữa các cơ quan Nhà nước để khắc phục sự lạm quyền, tiềm quyền dẫn tới độc tài, là nền tảng đảm bảo cho việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản được thừa nhận chung khác của Nhà nước pháp quyền; là cơ chế bảo vệ pháp quyền và tự do cơ bản của công dân khỏi những hành vi tùy tiện, độc đoán, những quyết định mang tính chất liên quan, hành chính, mệnh lệnh gây phiền hà và những nhiễu từ phía các cơ quan và công chức trong bộ máy Nhà nước.

Có thể nói, ưu điểm quan trọng nhất của học thuyết “tam quyền phân lập” là tránh được sự chuyên quyền, độc tài trong thực hiện quyền lực Nhà nước. Đánh dấu sự chuyển biến từ việc sử dụng “quyền lực dã man” trong các xã hội chuyên chế sang việc thực thi quyền lực văn minh trong xã hội dân chủ. Loại bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, độc tài - mảnh đất tốt cho sự lộng quyền, bức rào cản của dân chủ và phát triển xã hội. Sự hình thành và phát triển của lý thuyết này gắn liền với quá trình đấu tranh cho bình đẳng, tự do và tiến bộ xã hội. Lấy pháp luật làm tối thượng, lấy bảo đảm các quyền tự do công dân làm mục đích cuối cùng.